| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH BÌNH THUẬN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 2625 /QĐ-UBND | *Bình Thuận, ngày 27 tháng 10 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sữa cấp phát cho trẻ em Mẫu giáo và Tiểu học tại 14 xã khó khăn, xã đảo phục vụ Chương trình Sữa học đường năm 2020 do Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh làm chủ đầu tư**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị quyết số 63/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 3955/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 02/10/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp về đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan nhà nước bằng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Thuận;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tại Tờ trình số 1443/TTr-KSBT ngày 08 tháng 10 năm 2020 và Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 1069/BC-STC ngày 19 tháng 10 năm 2020.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sữa cấp phát

cho trẻ em Mẫu giáo và Tiểu học tại 14 xã khó khăn, xã đảo phục vụ Chương trình Sữa học đường năm 2020 do Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh làm chủ đầu tư, cụ thể như sau:

| Tên gói thầu | Giá gói thầu (đồng) | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu | Thời gian thực hiện hợp đồng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Mua sữa cấp phát cho trẻ em Mẫu giáo và Tiểu học tại 14 xã khó khăn, xã đảo phục vụ Chương trình Sữa học đường năm 2020 | 5.876.501.400 | Từ nguồn kinh phí Chương trình sữa học đường năm 2020 tại Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 của UBND tỉnh | Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu qua mạng | Hợp đồng trọn gói | Một giai đoạn, một túi hồ sơ | Quý IV năm 2020 | 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực |

*(Danh mục chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*

**Điều 2.** Chủ đầu tư căn cứ kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt tại Quyết định này và các tài liệu có liên quan để thực hiện các thủ tục mua sắm theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (đ/c Hòa);
- Lưu: VT, TH. Phú.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận
Ngày ký: 27.10.2020 09:56:07 +07:00

**Nguyễn Đức Hòa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**
**TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# PHỤ LỤC

**Danh mục gói thầu mua sữa cấp phát cho trẻ em Mẫu giáo và Tiểu học tại 14 xã khó khăn, xã đảo phục vụ Chương trình Sữa học đường năm 2020 do Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh làm chủ đầu tư**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2625 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

<table>
<tr><th>STT</th><th>Tên hàng hóa</th><th>Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật</th><th>Số lượng</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Sữa tươi học đường, dung tích 180ml/hộp (tiệt trùng có đường)</td><td>- Quy cách đóng gói: Hộp 180ml.<br>- Sản phẩm sữa tươi sử dụng trong Chương trình Sữa học đường bao gồm sữa tươi nguyên chất tiệt trùng và sữa tươi tiệt trùng đáp ứng các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng QCVN 5-1:2010/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 30/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế và yêu cầu quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư số 31/TT-BYT ngày 05/12/2019 của Bộ Y tế Quy định yêu cầu đối với sản phẩm sữa tươi sử dụng trong Chương trình Sữa học đường.<br>- Các sản phẩm sữa tươi sử dụng trong Chương trình Sữa học đường phải bảo đảm đủ 21 vi chất dinh dưỡng với hàm lượng như sau:
<table>
<tr><th>STT</th><th>Tên vi chất</th><th>Hàm lượng trung bình trong 100 ml sữa</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Vitamin D3</td><td>1 µg - 1,4 µg (40 IU - 56 IU)</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Canxi</td><td>114 mg - 150 mg</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Sắt</td><td>1,4 mg - 1,9 mg</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Vitamin A</td><td>60 µg - 80 µg (200 IU - 270 IU)</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Vitamin E</td><td>0,35 mg - 0,5 mg</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Vitamin C</td><td>6,4 mg - 8,4 mg</td></tr>
<tr><td>7</td><td>Vitamin B1</td><td>95,0 µg - 125,0 µg</td></tr>
<tr><td>8</td><td>Vitamin B2 (riboflavin[a])</td><td>79,1 µg</td></tr>
<tr><td>9</td><td>Vitamin B3 (Niacin- PP)</td><td>1,0 mg - 1,4 mg</td></tr>
<tr><td>10</td><td>Vitamin B 5</td><td>300 µg - 400 µg</td></tr>
</table></td><td>793.800 hộp</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>STT</th><th>Tên hàng hóa</th><th>Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật</th><th>Số lượng</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td></td><td>(Acid Pantothenic)</td><td></td></tr>
<tr><td>11</td><td>Vitamin B6</td><td>79,1 µg - 104,1 µg</td></tr>
<tr><td>12</td><td>Vitamin B 7 (Biotin[a])</td><td>1,3 µg</td></tr>
<tr><td>13</td><td>Acid folic (vitamin B9)</td><td>27,5 µg - 37,5 µg</td></tr>
<tr><td>14</td><td>Vitamin B12</td><td>0,19 µg - 0,3 µg</td></tr>
<tr><td>15</td><td>Vitamin K1</td><td>2,5 µg - 3,3 µg</td></tr>
<tr><td>16</td><td>Kẽm</td><td>1,1 mg - 1,6 mg</td></tr>
<tr><td>17</td><td>Đồng</td><td>61 µg - 90,3 µg</td></tr>
<tr><td>18</td><td>I ốt[a]</td><td>14,3 µg</td></tr>
<tr><td>19</td><td>Selen</td><td>3,1 µg - 4,1 µg</td></tr>
<tr><td>20</td><td>Phospho</td><td>76,0 mg - 100 mg</td></tr>
<tr><td>21</td><td>Magiê</td><td>10,0 mg - 14,8 mg</td></tr>
</table>
- Được chế biến chủ yếu từ sữa bò tươi nguyên liệu đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sữa tươi nguyên liệu theo Thông tư 29/2017/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2017 của Bộ Nông Nghiệp Phát triển nông thôn.<br>
- Việc ghi nhãn sản phẩm Sữa tươi sử dụng trong Chương trình Sữa học đường được thực hiện theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ và Quyết định số 1783/QĐ-BYT ngày 13/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Logo cho sản phẩm sữa phục vụ Chương trình sữa học đường.<br>
- Sản phẩm phải được sản xuất tại các nhà máy hoặc cơ sở đã được cơ quan có chức năng chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.<br>
- Sản phẩm sữa phục vụ Chương trình Sữa học đường phải được cơ sở sản xuất, kinh doanh công bố sản phẩm trước khi lưu thông trên thị trường theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm và Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.
</td><td></td></tr>
</table>